

YẾU TỐ TÌNH THÁI TRONG LỜI XIN LỖI

MODALITY IN APOLOGIES

ĐẶNG THANH PHƯƠNG
(ThS; Trường Đại học Quy Nhơn)

Abstract: Apologizing is a speech act which is an important strategy in social interaction. Apologizing is greatly affected by communal cultures, social relationships between the apologizer and apologizee. This writing aims to investigate the language of modality in apologies which reveals the attitude of the apologizer.

Key words: modality; apology.

1. Mở đầu

Ngôn ngữ của bất cứ cộng đồng hay xã hội nào cũng có lời xin lỗi, được xem như một trong những hành vi giao tiếp phổ biến và nhạy cảm nhất về chiến lược lịch sự. Trong cuộc sống thường ngày, ta thường nghe những câu như: “Xin lỗi”, “Tôi xin lỗi đã...”, qua đó người nói muốn bày tỏ rằng anh ta đang cảm thấy “có lỗi” vì sắp hoặc đã nói hay làm điều gì đó không có lợi cho người nghe và để người nghe biết rằng anh ta lấy làm tiếc và muốn thể hiện sự đền bù.

Lời xin lỗi chịu sự chi phối mạnh mẽ bởi yếu tố văn hóa. Mỗi cộng đồng, dân tộc có cách thức xin lỗi khác nhau. Có khi cùng một tình huống nhưng cộng đồng, dân tộc này xin lỗi, cộng đồng, dân tộc kia lại không;). Quan hệ xã hội, nghề nghiệp, tuổi tác, giới tính, môi trường sống, v.v. đều ảnh hưởng đến cách thức xin lỗi và thái độ của người xin lỗi.

Bài viết này nhằm khảo sát các yếu tố ngôn ngữ tình thái được sử dụng trong lời xin lỗi qua đó thể hiện thái độ của người xin lỗi đối với người được xin lỗi. Phương thức tiến hành như sau: 2 tình huống dưới đây được phát cho 50 sinh viên chuyên Anh năm thứ 4 của Khoa Ngoại ngữ, Đại học Quy Nhơn. Với mỗi tình huống, sinh viên được yêu cầu cung cấp tất cả những lời xin lỗi có thể có.

Tình huống 1: Bạn là sinh viên, mượn tài liệu quý của giảng viên đang dạy bạn và làm mất. Bạn sẽ xin lỗi giảng viên như thế nào?

Tình huống 2: Bạn có cuộc hẹn quan trọng với đồng nghiệp lớn hơn bạn 10 tuổi nhưng đến trễ 30 phút. Bạn sẽ xin lỗi người đó như thế nào?

2. Một số vấn đề lý luận

2.1. Thuyết Hành vi ngôn ngữ (HVNN) được nhà triết học Austin giới thiệu lần đầu tiên vào năm 1962 và sau đó được nhiều lý thuyết gia khác nghiên cứu như Hymes (1964), Searl (1969), Levinson (1983), Brown & Yule (1983) và Schmidt & Richards (1983). Nhìn chung họ có cùng quan điểm cho rằng HVNN là hành động được thực hiện thông qua lời nói. Ví dụ, khi ta xin lỗi, than phiền, mời mọc, hứa hẹn, yêu cầu... là ta đã thực hiện những hành vi tương ứng.

2.2. Downing and Locke định nghĩa tình thái là “một loại ngữ nghĩa qua đó người nói bày tỏ thái độ của mình đối với nội dung chứa trong lời nói như sự nghi ngờ, hối tiếc, cần thiết, có thể, có lẽ...”. Theo đó, các tác giả chia nghĩa tình thái thành 2 loại: tình thái Nhận thức (epistemic) trong đó người nói bình luận về nội dung của lời nói và tình thái Vật thể xã hội (deontic) qua đó người nói bày tỏ sự bắt buộc, sự cho phép hay năng lực trong thế giới thực.

Chi tiết hơn, một số nhà ngôn ngữ khác như Von Wright, Lyons, Bach and Hamish...chia ngôn ngữ tình thái thành các loại sau:

Hạ giọng (Downtoners). Người nói sử dụng yếu tố này để điều tiết tác động có thể có của lời nói mình đối với người nghe. Các từ và cụm từ này gồm: *chỉ, đơn giản là, dấu sao thì, có lẽ, có*

thể, phải chăng, ở mức độ nào đó, đáng lẽ tôi không nên, nói thì không phải chứ...

Che chắn (Hedges). Yếu tố này giúp người nói tránh phải cụ thể hóa trong khi thực hiện lực tạo lời của mình: *kiểu như, đại loại là, ông xem thế nào chứ, thế nào ấy...*

Dè dặt (Understaters). Giúp tôi thiếu hóa nội dung trình bày: *hơi hơi, một chút, đôi chút, tạm tạm, phần nào đó...*

Chủ quan (Subjectivizers). Thể hiện thái độ, quan điểm đối với vấn đề: *tôi nghĩ, tôi đoán, theo tôi, tôi e rằng, tôi cho rằng...*

Sôi nổi (Intensifiers). Giúp tăng mức độ của nội dung lời nói: *rất, vô cùng, hết sức, thật là, đến như thế...*

Cam kết (Commitment upgraders). Thể hiện sự cam kết của người nói đối với nội dung sự kiện hay với người nghe: *chắc chắn, tất nhiên, tôi bảo đảm với anh...*

Tán tụng (Cajolers). Giúp xác minh những gì người nói muốn nói và kêu gọi sự cảm thông, thấu hiểu: *ông biết đó, như ông biết...*

Câu hỏi (Appealers). Giúp kêu gọi sự đồng lòng, nhất trí: *nhì?, phải không nào?, được chứ?, nhé? ...*

Lịch sự (Politeness markers). Giúp giảm nhẹ việc làm mất thể diện đối với người nghe: *ạ, dạ, thưa, ...*

Mềm dịu (Sweeteners). Giúp người nói đề cao các phẩm chất của người nghe: *tôi biết ông là người rộng lượng, khả năng của ông thì ai cũng biết rồi, ...*

3. Khảo sát cụ thể

3.1. Cấu trúc lời xin lỗi

Về mặt ngôn ngữ HVLN xin lỗi có cấu trúc như sau:

a. Lời xin lỗi trực tiếp: Là bộ phận trực tiếp tạo lực cho lời xin lỗi dưới hình thức một cụm từ có tính công thức chứa các động từ thực thi như "xin lỗi", "xin bỏ qua cho", "xin tha thứ".... Ví dụ: *Xin lỗi, tôi đến trễ; Xin cô tha lỗi, tôi sơ ý quá*.

b. Lời xin lỗi gián tiếp: Bất cứ phần lời nói nào không chứa các động từ thực thi nêu trên đều được xem là lời xin lỗi gián tiếp, gồm:

- Giải thích nguyên nhân gây ra việc làm phiến hay tổn thương người nghe. Ví dụ: *"Tao bị kẹt xe"* (nên đến trễ); *"Tôi qua đi làm về khuya quá"* (nên tôi không gọi cho bạn được).

- Thể hiện trách nhiệm. Ví dụ: *"Cháu hư quá, để bác đợi mãi"*; *"Ồ, tôi sơ ý quá"* (nên giảm lên chân cò); *"Tôi thật hổ đỏ, đã đổ lỗi cho cậu"*; *"Anh làm mất cuốn sách của mày rồi."*

- Thể hiện đền bù. Ví dụ: *"Để tôi mua cuốn khác đền bạn"* (cụ thể), *"Để xem tôi có thể làm gì"* (không cụ thể).

Hứa hẹn. Ví dụ: *"Tôi xin hứa chuyện này sẽ không xảy ra nữa"*; *"Tao xin thế đây là lần cuối tao mượn tiền mày"*.

Trong thực tế, lời xin lỗi có thể chỉ là một hoặc kết hợp giữa 2,3 hay tất cả các yếu tố trên, ví dụ:

"Anh xin lỗi em. Anh làm bể chiếc bình của em rồi"

"Anh xin lỗi em. Anh làm bể chiếc bình của em rồi. Do trong phòng tối quá"

"Anh xin lỗi em. Anh làm bể chiếc bình của em rồi. Do trong phòng tối quá mà anh cẩn thận. Anh sẽ mua đền em nhé"

"Anh xin lỗi em. Anh làm bể chiếc bình của em rồi. Do trong phòng tối quá mà anh cẩn thận. Anh sẽ mua đền em nhé. Chắc chắn anh sẽ cẩn thận hơn khi qua đây".

3.2. Yếu tố tình thái trong lời xin lỗi

Ngôn ngữ tình thái không thể thiếu trong lời xin lỗi, đặc biệt khi nó góp phần thể hiện thái độ của người xin lỗi đối với người được xin lỗi. So sánh 2 lời xin lỗi sau đây:

(1) *"Em xin lỗi anh. Hôm qua em nói những điều làm anh buồn. Em đã không kiểm chế. Em sẽ xin phép xếp cho anh nghỉ hôm nay. Em không bao giờ như thế nữa đâu"*.

(2) *"Em thành thật xin lỗi anh. Hôm qua em nói những điều làm anh buồn. Em đã không kiểm chế. Em biết anh là người dễ tha thứ, phải không anh? Em sẽ xin phép xếp cho anh nghỉ hôm nay nha anh. Em không bao giờ như thế nữa đâu, anh à"*.

Rõ ràng, (2) với những yếu tố tình thái muốn nghe hơn được gạch dưới là lời mà người được xin lỗi

Kết quả thu thập dữ liệu: 128 lời xin lỗi, với 273 biểu ngữ tình thái được phân bố như sau:

| Loại tình thái | Hạ Giọng | Che Chấn | Dè Dặt | Chú Quan | Sôi Nổi | Cam Kết | Tán Tụng | Cầu Khẩn | Lịch Sự | Mềm Dịu |
|----------------|----------|----------|--------|----------|---------|---------|----------|----------|---------|---------|
| Số lượng | 18 | 3 | 1 | 3 | 42 | 28 | 29 | 25 | 82 | 42 |
| Tỉ lệ % | 7% | 1,2% | 0,3% | 1,2% | 15,39% | 10,25% | 10,63% | 9,16% | 30,5% | 15,39% |

Nhận xét: Với quan hệ xã hội giữa người xin lỗi (ít tuổi hơn/trò) và người được xin lỗi (lớn tuổi hơn/thầy), yếu tố tình thái Lịch Sự được sử dụng nhiều nhất là 82/273 (30,5%) trong lời xin lỗi. Bằng khoảng 1 nửa Lịch Sự là các tình thái Sôi Nổi và Mềm Dịu có số lượng ngang nhau: 42/273 (15,39%). Thấp hơn 1 chút là các tình thái Tán Tụng: 29/273 (10,63%), Cam Kết: 28/273 (10,25%), Cầu Khẩn: 25/273 (9,16%), Hạ Giọng: 18/273 (7%). Các yếu tố Che Chấn, Chú Quan, Dè Dặt xuất hiện rất ít (1-3/273). Điều này cho thấy trong văn hóa Việt, với quan hệ nêu trên, người xin lỗi chú ý hạ thấp thể diện chính mình đồng thời đề cao thể diện người được xin lỗi.

Sau đây là 1 số lời xin lỗi tiêu biểu từ dữ liệu:

Tình huống 1:

- *Thầy ơi, em xin thầy tha lỗi. Em lỡ làm mất cuốn sách của thầy rồi. Thật ra, em cho bạn mượn phở tô rồi bạn làm mất. Cuốn sách giúp tui em rất nhiều trong luận văn. Em biết thầy rất quý nó, vậy mà... Đa thưa, cho phép tui em mua cuốn khác đền thầy ạ.*

- *Thưa thầy, em thật có lỗi, em đã làm mất cuốn sách thầy cho mượn rồi ạ. Em biết thầy đang rất cần nó. Chắc chắn em sẽ mua cuốn khác đền thầy ạ.*

- *Thưa thầy, em đã lỡ làm mất cuốn sách thầy cho mượn rồi ạ. Em để quên ở quán cà phê, dạo này đầu óc em thế nào ấy, rất hay quên. Em thật có lỗi. Em sẽ mua đền thầy ạ.*

Tình huống 2:

- *Em có lỗi quá, để anh đợi lâu. Chỉ vì không tìm thấy chìa khóa xe anh à. Anh biết tính em làm gì cũng đúng giờ.*

- *Vô cùng xin lỗi anh. Chắc anh đợi lâu và bực bội rồi phải không? Chỉ vì đang đi thì gặp ãa bạn cũ anh à, 10 năm rồi không gặp.*

- *Xin anh đừng giận em. Xe bị xẹp lốp anh ă, mà điện thoại lại hết pin, không gọi anh được. Dẫu sao em cũng thành thật xin lỗi, đã để anh đợi lâu. Em biết anh luôn đúng giờ mà.*

4. Thay lời kết

Bài viết nêu rõ sự hiện diện và tầm quan trọng của yếu tố tình thái trong lời xin lỗi, giúp nâng cao việc giảng dạy ngôn ngữ Anh theo chức năng, đặc biệt chức năng lời xin lỗi. Tương tự, yếu tố tình thái cũng có thể được tiếp tục nghiên cứu trong lời đáp để khảo sát thái độ của người được xin lỗi

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Austin, J. L (1962), *How to do things with words*. CUP. London - Oxford - New York.
2. Bach, K. and Harnish, R (1984), *Linguistic communication and speech acts*. The MIT press.
3. Downing, A. and Locke, P (1995), *English grammar*. Phoenix ELT.
4. Lyons, J (1977), *Semantics*. Cambridge: Cup.